

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20-01-2025.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 751/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 327/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vi Thị Đ, sinh năm 1994; thường trú: khu D, xã T, tỉnh Phú Thọ, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ Thế A, sinh năm 1994; thường trú: khu D, xã T, tỉnh Phú Thọ; địa chỉ liên hệ: nhà trọ Vũ Tiến T, 80/DC1, tổ B, khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Bà Vi Thị Đ và ông Đỗ Thế A tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15/2017 ngày 27/11/2017.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và yêu thương nhau. Tuy nhiên một khoảng thời gian sau, vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Bà Vi Thị Đ và ông Đỗ Thế A đã ly thân nhiều năm. Hiện tại, bà Đ xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Đỗ Thế A. Do mục đích hôn nhân không đạt

được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Vi Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đỗ Thế A.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Vi Thị Đ và ông Đỗ Thế A có 01 (một) con chung tên là Đỗ Minh C, sinh ngày 27/7/2022. Sau khi ly hôn, bà Vi Thị Đ yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C và yêu cầu ông A thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ tuổi thanh niên và có khả năng lao động.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bao gồm: Tài liệu, chứng cứ về nhân thân, nơi cư trú của nguyên đơn, bị đơn, Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).*

** Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có mặt tại Toà án để có ý kiến, hoặc nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Đồng thời, vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng.*

** Tại phiên tòa:* Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với bị đơn và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng; bị đơn được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

** Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh:* Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Vi Thị Đ có đơn khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Đỗ Thế A. Bị đơn ông Đỗ Thế A có nơi tạm trú tại nhà trọ Vũ Tiến T, 80/DC1, tổ B, khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2]. Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên

đơn. Đối với bị đơn ông Đỗ Thế A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vi Thị Đ và ông Đỗ Thế A tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15/2017 ngày 27/11/2017 là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Vi Thị Đ xác định mâu thuẫn xảy ra giữa bà và ông Đỗ Thế A đã trầm trọng, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã ly thân nhiều năm. Bà Đ sinh sống tại xã T, tỉnh Phú Thọ còn ông Đỗ Thế A sống tạm trú tại phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi người có cuộc sống riêng không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét, trong hôn nhân vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa bà Vi Thị Đ và ông Đỗ Thế A không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Bà Vi Thị Đ xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để ông Đỗ Thế A tham gia làm việc, hòa giải và các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Đỗ Thế A vẫn không đến Tòa để hòa giải, không có bất kỳ ý kiến đưa ra về việc mong muốn gia đình đoàn tụ. Do đó, bị đơn đã từ bỏ quyền trình bày của mình được pháp luật bảo vệ. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Vi Thị Đ và ông Đỗ Thế A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vi Thị Đ.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống bà Vi Thị Đ và ông Đỗ Thế A có 01 (một) con chung tên là Đỗ Minh C, sinh ngày 27/7/2022. Sau khi ly hôn, bà Vi Thị Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu C. Xét việc quyết định giao con cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom chăm sóc. Cháu C còn rất nhỏ nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Nguyên đơn là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, có công việc, thu nhập ổn định và cuộc sống của con chung vẫn ổn định nên đã đảm bảo về vật chất, tinh thần, sự phát triển bình thường, ổn định của con không cần thiết phải thay đổi người trực tiếp nuôi con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Đỗ Minh C, sinh ngày 27/7/2022 cho bà Vi Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Vi Thị Đ yêu cầu ông Đỗ Thế A thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành. Xét, nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung là nghĩa vụ của cha mẹ khi ly hôn, để đảm bảo sự ổn định về mặt chi phí chăm sóc con khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ

Điều 82 Luật hôn nhân gia đình, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà Đ đối với ông Đỗ Thế A là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

[2.4]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vi Thị Đ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3]. Về án phí: Bà Vi Thị Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Đỗ Thế A phải chịu án cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 269, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vi Thị Đ đối với bị đơn ông Đỗ Thế A về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vi Thị Đ được ly hôn với ông Đỗ Thế A.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15/2017 ngày 27/11/2017 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay là xã T, tỉnh Phú Thọ) cấp cho bà Vi Thị Đ và ông Đỗ Thế A không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung Đỗ Minh C, sinh ngày 27/7/2022 cho bà Vi Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Đỗ Thế A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 5.000.000 đồng/tháng. Thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được tính từ tháng 01/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền

nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Vi Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039460 ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Đỗ Thế A phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thảo